Biểu 04

KẾ HOẠCH ĐƯA ĐẤT CHƯA SỬ DỤNG VÀO SỬ DỤNG NĂM 2023 CỦA THỊ XÃ ĐÔNG HÒA

(Kèm theo Quyết định số 108 /QĐ-UBND ngày 10 /02/2023 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính									
				Phường Hoà Vinh	Phường Hòa Hiệp Bắc	Phường Hoà Hiệp Trung	Phường Hòa Hiệp Nam	Phường Hòa Xuân Tây	Xã Hòa Thành	Xã Hòa Tân Đông	Xã Hòa Xuân Đông	Xã Hòa Xuân Nam	Xã Hòa Tâm
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(14)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
	Tổng cộng		**148,36**	**3,53**	**109,90**	**11,83**	**22,19**	**-**	**0,09**	**0,20**	**0,03**	**0,59**	**-**
1	**Đất nông nghiệp**	**NNP**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**
2	**Đất phi nông nghiệp**	**PNN**	**148,36**	**3,53**	**109,90**	**11,83**	**22,19**	**-**	**0,09**	**0,20**	**0,03**	**0,59**	**-**
2.1	Đất quốc phòng	CQP	11,45	-	-	-	11,45	-	-	-	-	-	-
2.2	Đất khu công nghiệp	SKK	0,98	-	0,98	-	-	-	-	-	-	-	-
2.3	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	36,25	-	31,66	4,47	-	-	0,09	-	-	0,03	-
2.4	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	33,19	3,52	15,76	2,78	10,74	-	-	0,20	-	0,19	-
-	*Đất giao thông*	*DGT*	*28,50*	*1,23*	*14,54*	*2,18*	*10,33*	-	-	*0,20*	-	*0,02*	-
-	*Đất thủy lợi*	*DTL*	*3,30*	*2,29*	-	*0,60*	*0,41*	-	-	-	-	-	-
-	*Đất xây dựng cơ sở giáo dục-đào tạo*	*DGD*	*1,22*	-	*1,22*	-	-	-	-	-	-	-	-
-	*Đất xây dựng cơ sở thể dục-thể thao*	*DTT*	*0,15*	-	-	-	-	-	-	-	-	*0,15*	-
-	*Đất công trình năng lượng*	*DNL*	*0,02*	-	-	-	-	-	-	-	-	*0,02*	-
2.5	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	34,28	-	33,59	0,41	-	-	-	-	-	0,28	-
2.6	Đất ở tại nông thôn	ONT	0,12	-	-	-	-	-	-	-	0,03	0,09	-
2.7	Đất ở tại đô thị	ODT	27,43	0,01	23,25	4,17	-	-	-	-	-	-	-
2.8	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	4,66	-	4,66	-	-	-	-	-	-	-	-